

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 08/9/2020.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Cương.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh B, sinh năm: 1984; ĐKKHKT: Số 27 Trần Cao Vân, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Số 125 Long Hồ, phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Chị P, sinh năm: 1984; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 50/14/461 Chi Lăng, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh B trình bày: Anh B và chị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Hậu, thành phố Huế vào ngày 01/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống nhà bố, mẹ anh Bình tại số 125 Long Hồ, phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng trong lối sống, mâu thuẫn giữa chị Phương với bố, mẹ chồng, nhất là việc chị Phương muốn ra ở riêng, trong khi điều kiện kinh tế chưa đảm bảo. Tháng 11/2014 chị Phương tự ý đưa 02 con về nhà mẹ ruột của chị Phương sinh sống. Mặc dù anh Bình đã vận động, thuyết phục chị Phương đưa con trở lại chung sống nhưng chị Phương không đồng ý. Từ đó đến nay anh Bình và chị Phương sống ly thân. Mỗi lần vợ chồng liên lạc với nhau chỉ về vấn đề về con cái, không đề cập gì đến chuyện tình cảm vợ chồng. Nay, anh Bình thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung : Anh B, chị P xác nhận có 03 con chung tên L, sinh ngày 19/4/2012; L, sinh ngày 04/02/2014 và A, sinh ngày 25/5/2015. Hiện cháu L đang ở với anh Bình; cháu L và cháu A đang ở với chị Phương. Anh Bình yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu chị Phương cấp dưỡng nuôi con; còn giao cho chị Phương tiếp tục nuôi cháu L và cháu A, anh Bình tự nguyện cấp dưỡng cháu Lâm, cháu Anh một cháu 2.000.000đồng/tháng, tổng cộng 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi hai cháu Lâm, Anh thành niên.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải bị đơn chị P trình bày: Chị P và anh B sau khi tìm hiểu một thời gian, đã đăng ký kết hôn ngày 01/7/2011, tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 03 người con tên L, sinh ngày 19/4/2012; L, sinh ngày 04/02/2014 và A, sinh ngày 25/5/2015. Sau khi sinh cháu Tuệ Lâm, khoảng từ tháng 7/2014 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa chị và cha, mẹ chồng, anh Bình có quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, sống nhạt nhẽo, anh Bình ít quan tâm, động viên chị Phương. Do đó, chị đã đưa con về nhà mẹ ruột để sinh sống từ khoảng tháng 11/2014 cho đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh Bình cũng ít quan tâm đến chị, nhiều lần chị tác động anh Bình hàn gắn chung sống với nhau nhưng anh Bình không chấp nhận. Nay anh Bình yêu cầu ly hôn, chị Phương vẫn còn thương yêu anh Bình nên mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Nếu Ly hôn chị P chấp nhận theo yêu cầu của anh Bình là giao cho anh Bình trực tiếp nuôi cháu L, sinh ngày 19/4/2012, chị Phương không cấp dưỡng nuôi con cho anh Bình; chị Phương trực tiếp nuôi cháu L, sinh ngày 04/02/2014 và cháu A, sinh ngày 25/5/2015, anh Bình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm, cháu Anh một cháu 2.000.000đồng/tháng, tổng cộng 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi 02 cháu thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị P, nhưng chị Phương chỉ có mặt tại Tòa án hòa giải một lần, sau đó chị vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có ý kiến gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các quy định pháp luật; Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh B được ly hôn với chị P; về con chung: Giao cháu L cho anh Bình trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến khi cháu Minh thành niên. Giao 02 cháu L và A cho chị Phương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên,

anh Bình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu Lâm, cháu Anh một cháu 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi hai cháu thành niên; không xem về tài sản chung, nợ chung; buộc anh B phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh B khởi kiện bị đơn chị P, có nơi cư trú tại: Số 50/14/461 Chi Lăng, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh B có mặt, bị đơn chị P đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Phương vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B, chị P qua thời gian tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn ngày 01/7/2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hậu, thành phố Huế, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh Bình, chị Phương chung sống sinh được 03 người con, cháu L, sinh ngày 19/4/2012; cháu L, sinh ngày 04/02/2014 và cháu A, sinh ngày 25/5/2015. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của anh Bình, chị Phương thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh Bình, chị Phương phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm gia đình rạn nứt, nhạt nhẽo, lạnh lùng với nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2014 cho đến nay, thời gian gần 06 năm, không ai quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, phân tích, tác động và cũng tạo thời gian để anh chị suy nghĩ hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy, anh Bình, chị Phương sống ly thân đã lâu, tình trạng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh B là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh B, chị P có 03 con chung, cháu tên L, sinh ngày 19/4/2012; cháu tên L, sinh ngày 04/02/2014 và cháu A, sinh ngày 25/5/2015. Hiện cháu L đang ở với anh Bình; cháu L và cháu A đang ở với chị Phương. Tại Phiên hòa giải anh Bình, chị Phương thỏa thuận: Anh Bình tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi thành niên; chị Phương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu L, A, anh Bình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm, cháu Anh một cháu

2.000.000/tháng, tổng cộng 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu Lâm, Anh thành niên. Hiện nay anh Bình thu nhập ổn định lương khoảng 12.000.000đ/tháng. Qua lấy ý kiến của cháu L có nguyện vọng muốn ở với anh Bình. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận về vấn đề nuôi con giữa anh Bình, chị Phương là hợp lý, hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Thành Bình, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh B là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh B được ly hôn với chị P.

2. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 19/4/2012 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao cháu L, sinh ngày 04/02/2014 và cháu A, sinh ngày 25/5/2015 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm, cháu Anh một cháu 2.000.000/tháng, tổng cộng 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu Tuệ Lâm, Hoài Anh thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Thành Bình, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009740 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; anh Bình tiếp tục nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phú Hậu (Số 60/2011, Quyển số 01);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân